TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2026
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Chọn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Kim Loan

Bà Vũ Thị Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2025/HNGĐST, ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 03/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Cẩm Tiên**, sinh năm 2001

Số CCCD 091301006855, ngày 30/11/2022.

Địa chỉ: Ấp Cái Nước Ngọn, xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp Cái Nước Ngọn, xã An Biên, tỉnh An Giang).

- Bị đơn: Anh **Lee Yunsung,** sinh năm 1982

Hộ chiếu: M20844119, ngày 09/02/2019, Hàn Quốc.

Địa chỉ: 14, Baekjeon 4-gil, Waeseo-myeon, Sangju, Gyeongsangbukdo, Hàn Quốc.

(Chị Tiên có đơn xin vắng mặt; anh Lee Yunsung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Dương Thị Cẩm Tiên yêu cầu như sau:

Chị và anh Lee Yunsung tìm hiểu yêu thương nhau qua mai mối và tiến tới hôn nhân vào năm 2019, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang ngày 14/3/2019. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại Hàn Quốc đến tháng 7/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt gia đình không hợp, anh Lee Yunsung yêu cầu chị về Việt Nam, tháng 7/2022 chị về Việt Nam sinh sống đến nay. Từ ngày về Việt Nam, anh Lee Yunsung không liên lạc gì với chị mặc dù chị nhiều lần nhắn tin và gọi điện thoại. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lee Yunsung. Về con, tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lee Yunsung: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Tiên theo thủ tục Ủy thác Tư pháp hợp lệ của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Tiên.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng. Do vậy, căn cứ các Điều 228, 238 và 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Tiên và anh Lee Yunsung là hôn nhân tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã An Biên, An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 14/3/2019.

Tuy nhiên, sau kết hôn anh chị chỉ hạnh phúc được thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Tiên trình bày, do bất đồng quan điểm sống, chồng chị yêu

cầu chị về Việt Nam và không liên lạc gì với chị nên chị yêu cầu cho ly hôn với anh Lee Yunsung.

Hội đồng xét xử nhận thấy, với yêu cầu khởi kiện của chị Tiên nhưng phía anh Lee Yunsung không ý kiến phản hồi gì mặc dù Tòa án đã tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ. Như vậy, cho thấy hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, không còn quan tâm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị Tiên là có căn cứ.

Từ nhận định nêu trên, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của chị Tiên.

Về con, tài sản và nợ chung: Chị Tiên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về chi phí Ủy thác Tư pháp và án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.

Nguyên đơn chị Tiên phải chịu 300.000 đồng án phí và 200.000 đồng chi phí, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 12 ngày 10/4/2025 và số 0006346 ngày 07/5/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang), chị Tiên đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Cẩm Tiên.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Cẩm Tiên được ly hôn với anh Lee Yunsung.

2. Về con, tài sản và nợ chung: Chị Tiên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Án phí và chi phí Ủy thác Tư pháp:

Nguyên đơn chị Tiên phải chịu 300.000 đồng án phí và 200.000 đồng chi phí, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 12 ngày 10/4/2025 và số 0006346 ngày 07/5/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang), chị Tiên đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo:

Chị Tiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết.

Riêng anh Lee Yunsung có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận :
- VKSND tỉnh An Giang;
- THA dân sự tỉnh AG;
- CQ ĐKKH ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Chọn

BẢN DỊCH
TRANSLATION

An Giang 성
인민법원
사건 번호: **44**/2026/HNGD-ST
날짜: 2026/06/23
이혼의 건

베트남 사회주의 공화국
독립–자유–행복

베트남 사회 주의 공화국
대표
An Giang 성 인민법원

- 1 심 재판부의 구성은 다음과 같습니다:

판사 – 의장: Tran Thi Chon

인민참심원: Dao Thi Kim Loan
Vu Thi Hang

-법정서기: Nguyen Thi Cam Tien - An Giang 성 인민법원 서기

-공판에 참여한 An Giang 성 인민검찰원 대표: 검사 Tran Thi Lanh

An Giang 성 인민법원은 2026 년 6 월 23 일 법원 청사에서, 2025 년 4 월 22 일 접수된 혼인·가족사건 제 50/2025/HNGĐST 호 "이혼" 사건에 관하여 2026 년 5 월 15 일자 재판회부결정 제 38/2026/QĐXXST-HNGĐ 호 및 2026 년 6 월 3 일자 공판연기결정 제 40/2026/QĐST-HNGĐ 호에 따라 다음 당사자 사이의 사건을 공개 1 심으로 심리하였습니다:

- 원고: **Duong Thi Cam Tien** , 생년월일: 2001 년
주민등록증 번호: 091301006855, 발급일: 2022 년 11 월 30 일
주소: Kien Giang 성 An Bien 현 Dong Yen 면 Cai Nuoc Ngon 읍
(현재: An Giang 성 An Bien 면 Cai Nuoc Ngon 읍)
- 피고: **Lee Yunsung** , 생년월일: 1982 년
여권번호: M20844119, 발급일: 2019 년 2 월 9 일, 대한민국
주소: 대한민국 경상북도 상주시 외서면 백전 4 길 14

(원고 Tien 은 불출석 신청서를 제출하였고, 피고 Lee Yunsung 은 불출석함)

사건의 내용

2025 년 3 월 28 일자 소장 및 원고 ***Duong Thi Cam Tien*** *가 제출한 자술서에 따른 청구 내용은 다음과 같습니다:*

원고와 피고는 중매로 만나 교제한 후 2019 년에 혼인하였으며, 2019 년 3 월 14 일 Kien Giang 성 An Bien 현 인민위원회에 혼인신고를 하였습니다. 혼인 후 두 사람은 2022 년 7 월까지 대한민국에서 함께 생활하였습니다. 혼인 초기에는 원만하게 생활하였으나, 이후 생활관의 차이와 가정생활의 부조화로 갈등이 발생하였습니다. 피고는 원고에게 베트남으로 돌아갈 것을 요구하였고, 원고는 2022 년 7 월 베트남으로 귀국하여 현재까지 거주하고 있습니다. 원고가 베트남으로 귀국한 후 여러 차례 문자메시지를 보내고 전화하였음에도 피고는 아무런 연락을 하지 않았습니다. 이에 원고는 부부관계가 회복될 수 없다고 판단하여 피고와의 이혼을 청구하였습니다. 자녀, 공동재산 및 공동채무는 없으며, 이에 대한 재판을 청구하지 않았습니다.

피고 ***Lee Yunsung:*** 법원의 적법한 사법공조 절차에 따른 송달에도 불구하고 소송절차 전 과정에 출석하지 않았으며, 원고 **Tien** 의 이혼 청구에 관한 의견서를 제출하지 않았습니다.

An Giang 성 인민검찰원 대표는 다음과 같은 의견을 진술하였습니다:

판사, 재판부, 법정서기 및 원고의 소송법 준수에 관하여, 모두 민사소송법의 규정에 따라 적법하게 이행하였습니다.

사건의 실체적 해결에 관하여: 재판부가 원고 **Tien** 의 이혼 청구를 인용할 것을 제의합니다.

검토된 자료 및 증거에 근거하고, 증거, 당사자의 의견 및 인민검찰원 대표의 의견을 충분하고 전면적으로 검토한 결과,

법원의 판단

[1]. 소송절차에 관하여:

원고 **Tien** 은 불출석 신청서를 제출하였고, 피고 **Lee Yunsung** 은 소송절차가 진행되는 동안 불출석하였습니다. 따라서 민사소송법 제 228 조, 제 238 조 및 제 477 조에 근거하여, 재판부는 원고와 피고의 불출석 상태에서 심리하기로 결정합니다.

[2]. 사건의 실체에 관하여:

원고 **Tien** 및 피고 **Lee Yunsung** 사이의 혼인은 당사자의 자유로운 의사에 따른 혼인입니다. 두 사람은 Kien Giang 성 An Bien 현(현재 An Giang 성 An Bien 면)에 혼인신고를 하였고, 2019 년 3 월 14 일 혼인증명서 제 12 호를 발급받았습니다.

그러나 혼인 후 두 사람은 잠시 원만하게 생활하였을 뿐 이후 갈등이 발생하였습니다. 원고의 진술에 따르면, 생활관의 차이로 피고가 원고에게 베트남으로 돌아갈 것을 요구하였고 그 후 아무런 연락도 하지 않았으므로, 원고는 피고와의 이혼을 청구하였습니다.

재판부가 판단하건대, 법원이 소송서류를 적법하게 송달하였음에도 피고는 원고의 청구에 대하여 아무런 의견도 제출하지 않았습니다. 이에 비추어 보면 두 사람의 혼인관계는 이미 심각하게 파탄되었고, 서로에 대한 관심이 없으며, 공동생활을 계속할 수 없고 혼인의 목적도 달성할 수 없는 상태이므로 원고의 청구는 이유가 있습니다.

상기 판단에 따라 혼인·가족법 제 56 조에 근거하여 검찰원 대표의 의견을 받아들이고 원고의 청구를 인용합니다.

자녀, 공동재산 및 공동채무에 관하여: 원고는 자녀, 공동재산 및 공동채무가 없고 이에 대한 재판을 청구하지 않았다고 확인하였으므로, 재판부는 이를 판단하지 않습니다.

[3]. 사법공조 비용 및 혼인·가족사건 1 심 재판비용에 관하여: 민사소송법 제 147 조 및 제 153 조 제 3 항, 법원 재판비용 및 수수료의 부과, 면제, 감면, 징수, 납부, 관리 및 사용에 관한 국회 상무위원회의 2016 년 12 월 30 일자 의결 제 326/2016/UBTVQH14 호 및 부처합동시행규칙 제 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC 호 제 7 조를 적용합니다.

원고는 재판비용 300,000 동 및 사법공조 비용 200,000 동을 부담합니다. 위 금액은 Kien Giang 성 민사판결집행국(현재 An Giang 성 민사판결집행국)의 2025 년 4 월 10 일자 영수증 제 12 호 및 2025 년 5 월 7 일자 영수증 제 0006346 호에 따라 납부한 재판비용 예납금에서 공제되며, 원고는 이를 모두 납부하였습니다.

위와 같은 이유로;

결정:

민사소송법 제 38 조 제 2 항, 제 147 조 제 4 항, 제 153 조 제 3 항, 제 228 조 제 1 항, 제 238 조, 제 266 조, 제 273 조, 제 469 조 제 1 항 d 호, 제 477 조 제 5 항 및 제 479 조 제 2 항, 2014 년 혼인·가족법 제 56 조, 그리고 법원 재판비용 및 수수료의 부과, 면제, 감면, 징수, 납부, 관리 및 사용에 관한 국회 상무위원회의 2016 년 12 월 30 일자 의결 제 326/2016/UBTVQH14 호를 적용하여 다음과 같이 판결합니다.

판결한다: 원고 **Duong Thi Cam Tien** 의 청구를 전부 인용한다.

1. 혼인관계에 관하여: 원고 **Duong Thi Cam Tien** 과 피고 **Lee Yunsung** 은 이혼한다.

2. 자녀, 공동재산 및 공동채무에 관하여: 원고는 자녀, 공동재산 및 공동채무가 없고 이에 대한 재판을 청구하지 않았다고 확인하였으므로, 재판부는 이를 판단하지 않는다.

3. 재판비용 및 사법공조 비용:

원고는 재판비용 300,000 동 및 사법공조 비용 200,000 동을 부담한다. 위 금액은 Kien Giang 성 민사판결집행국(현재 An Giang 성 민사판결집행국)의 2025 년 4 월 10 일자 영수증 제 12 호 및 2025 년 5 월 7 일자 영수증 제 0006346 호에 따라 납부한 재판비용 예납금에서 공제되며, 원고는 이를 모두 납부하였다.

4. 항소권:

원고 **Tien** 은 판결문을 수령한 날 또는 법원이 판결문을 게시한 날부터 15 일 이내에 본 판결에 항소할 수 있습니다.

피고 **Lee Yunsung** 은 판결문이 적법하게 송달된 날 또는 법률의 규정에 따라 판결문이 게시된 날부터 1 개월 이내에 항소할 수 있습니다.

본 판결이 개정·보충된 민사집행법 제 2 조의 규정에 따라 집행되는 경우, 집행권리자 및 집행의무자는 개정·보충된 민사집행법 제 6 조, 제 7 조, 제 7a 조, 제 7b 조 및 제 9 조의 규정에 따라 판결집행에 관하여 합의할 권리, 판결집행을 청구할 권리, 자발적으로 판결을 이행하거나 강제집행을 받을 권리가 있으며, 판결집행 시효는 개정·보충된 민사집행법 제 30 조의 규정에 따라 이행됩니다./.

수신처:
- An Giang 성 인민검찰청;
- An Giang 성 민사집행국;
-혼인등록기관;
-각 당사자;
- 사건 서류 저장.

초심 공판 이사회의 대표자
판사 – 의장
(서명, 날인)

Tran Thi Chon

Tôi, Nguyễn Phương Hoa, Căn cước công dân số: 001303026520 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Việt sang tiếng Hàn**

성명: Nguyen Phuong Hoa; 주민등록번호 : 001303026520; 발급처: 사회 질서 행정 관리 경찰국; 발급일: 2021/12/27; 이 자료를 베트남에서 한국어로 정확하게 번역했습니다.

Ngày 21 tháng 07 năm 2026

2026년 07월 21일

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

번역자 서명 및 성명 기재

Nguyễn Phương Hoa

Nguyen Phuong Hoa

Ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày hai mươi mốt, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

2026년 07월 21일

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

하노이시, O Cho Dua동, Giang Vo 165번지에서 주소가 있는 Nguyen Hue 공증 사무소에서

Tôi, là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

저는 공증인 Lê Như Tuấn입니다, 하노이시, Nguyen Hue 공증 사무소에서.

CHỨNG THỰC

- Bà Nguyễn Phương Hoa là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

- 본 번역문의 각 페이지에 서명한 사람은 Nguyen Phuong Hoa입니다. 공증 담당자는 번역문에 있는 번역자의 서명을 확인하였으며, 하노이시 Nguyen Hue 공증사무소에 등록된 번역 협력자의 서명 표본과 일치함을 확인하였습니다.

Văn bản chứng thực này được lập thành **03** bản gốc (mỗi bản gốc gồm **05** tờ, **05** trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

공증 문서는 원본 **03** 부로 작성되며, 각 번역본은 **05** 매, **05** 페이지를 포함하며, 하노이시Nguyen Hue공증 사무소에서 원본 01부씩을 저장합니다.

Số chứng thực: **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

공증번호: 105051 **대장번호: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

CÔNG CHỨNG VIÊN

공증인

S.D.K.C.T.H.O VĂN PHONG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

Lê Như Tuấn